

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

Lớp: 23LC42LTT2 (Sĩ Số: 17) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo

Tuần bắt đầu học học kỳ I (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                                     | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                                | Thứ                               | Tiết            | Phòng | Thời gian học          |
|----|---------------|----|--------------------------------------------|-------|---------|-----------|-----------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|-------|------------------------|
| 1  | FIPR479245_03 |    | Khóa luận tốt nghiệp                       | 7     | LA      | 0%        | Trương Việt Anh<br>(0913.117.659)       | SV liên hệ GV hướng dẫn khóa luận |                 |       |                        |
| 2  | PISC414545_04 |    | Đồ án Điều khiển hệ thống điện công nghiệp | 1     | DA      | 0%        | Phạm Võ Hồng Nghi<br>(0961718565)       | SV liên hệ GV hướng dẫn đồ án     |                 |       |                        |
| 3  | IPSP425245_04 |    | TT điều khiển tự động hóa HTĐ CN           | 2     | TH      | 0%        | Huỳnh Thị Ngọc Thương<br>(0944.209.520) | Chủ Nhật                          | 12345_____      | C402  | 03/11/2025->03/01/2026 |
| 4  | IPSP425245_04 |    | TT điều khiển tự động hóa HTĐ CN           | 2     | TH      | 0%        |                                         | Chủ Nhật                          | _____78901_____ | C402  | 03/11/2025->03/01/2026 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Ths. Nguyễn Thị Kim Cúc

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

Lớp: 23LC43LTT2 (Sĩ Số: 13) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo

Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                      | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                          | Thứ                     | Tiết            | Phòng  | Thời gian học          |
|----|---------------|----|-----------------------------|-------|---------|-----------|-----------------------------------|-------------------------|-----------------|--------|------------------------|
| 1  | FAIN443825_03 |    | Thực tập Tốt nghiệp (CNCTM) | 4     | TH      | 0%        | Trần Thái Sơn<br>(0903.090.422)   | SV liên hệ GV hướng dẫn |                 |        |                        |
| 2  | PCNC322125_02 |    | Thực tập CNC                | 2     | TH      | 0%        | Nguyễn Trọng Hiếu<br>(0989620635) | Chủ Nhật                | 12345_____      | E1-205 | 03/11/2025->03/01/2026 |
| 3  | PCNC322125_02 |    | Thực tập CNC                | 2     | TH      | 0%        |                                   | Chủ Nhật                | _____78901_____ | E1-205 | 03/11/2025->03/01/2026 |
| 4  | STOG423325_04 |    | Chuyên đề tốt nghiệp 2      | 2     | LT      | 50%       | Trần Ngọc Đám<br>(0947.760.123)   | Thứ Hai                 | _____3456_      | 03LTT  | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 5  | STOG423325_04 |    | Chuyên đề tốt nghiệp 2      | 2     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Tư                  | _____3456_      | 03LTT  | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 6  | STOG423425_04 |    | Chuyên đề tốt nghiệp 3      | 2     | LT      | 50%       | Trần Quốc Hùng<br>(0903.379.540)  | Thứ Ba                  | _____3456_      | 03LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 7  | STOG423425_04 |    | Chuyên đề tốt nghiệp 3      | 2     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Năm                 | _____3456_      | 03LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 8  | STOG433225_04 |    | Chuyên đề tốt nghiệp 1      | 3     | LT      | 50%       | Đỗ Tiến Sĩ<br>(0367 331125)       | Thứ Ba                  | _____3456_      | 03LTT  | 03/11/2025->13/12/2025 |
| 9  | STOG433225_04 |    | Chuyên đề tốt nghiệp 1      | 3     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Năm                 | _____3456_      | 03LTT  | 03/11/2025->13/12/2025 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

Lớp: 23LC45LTT2 (Sĩ Số: 14) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo

Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                               | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                           | Thứ      | Tiết                              | Phòng | Thời gian học          |
|----|---------------|----|--------------------------------------|-------|---------|-----------|------------------------------------|----------|-----------------------------------|-------|------------------------|
| 1  | GRES432130_02 |    | Tiểu luận tốt nghiệp                 | 3     | LT      | 0%        | Nguyễn Văn Long Giang (0903175378) |          | SV liên hệ GV hướng dẫn tiểu luận |       |                        |
| 2  | PEMS331130_03 |    | TT Hệ thống điều khiển động cơ       | 3     | TH      | HS 0      | Đinh Tấn Ngọc (01679035536)        | Chủ Nhật | 123456_____                       | 03XA3 | 03/11/2025->17/01/2026 |
| 3  | PEMS331130_03 |    | TT Hệ thống điều khiển động cơ       | 3     | TH      | HS 0      |                                    | Chủ Nhật | _____7890123____                  | 03XA3 | 03/11/2025->17/01/2026 |
| 4  | POAD321230_02 |    | TT Chẩn đoán trên ô tô               | 2     | TH      | HS 0      | Phan Nguyễn Quý Tâm (0909.690.124) | Chủ Nhật | 123456_____                       | 03XA6 | 18/08/2025->11/10/2025 |
| 5  | POAD321230_02 |    | TT Chẩn đoán trên ô tô               | 2     | TH      | HS 0      |                                    | Chủ Nhật | _____789012____                   | 03XA6 | 18/08/2025->11/10/2025 |
| 6  | TASS420931_02 |    | Chuyên đề an toàn và ổn định ô tô    | 2     | LT      | 0%        | Nguyễn Ngọc Bích (090-862-9567)    | Thứ Hai  | _____3456_                        | 01LTT | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 7  | TASS420931_02 |    | Chuyên đề an toàn và ổn định ô tô    | 2     | LT      | 0%        |                                    | Thứ Tư   | _____3456_                        | 01LTT | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 8  | THET420933_02 |    | Chuyên đề công nghệ xe điện - xe lai | 2     | LT      | 0%        | Nguyễn Lê Khương Duy (0358 139931) | Thứ Hai  | _____3456_                        | 01LTT | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 9  | THET420933_02 |    | Chuyên đề công nghệ xe điện - xe lai | 2     | LT      | 0%        |                                    | Thứ Tư   | _____3456_                        | 01LTT | 18/08/2025->13/09/2025 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

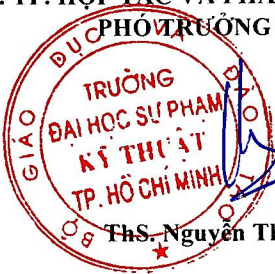
Lớp: 23LC10LTT2 (Số Sĩ: 14) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo

Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                           | Thứ     | Tiết       | Phòng | Thời gian học          |
|----|---------------|----|-----------------------|-------|---------|-----------|------------------------------------|---------|------------|-------|------------------------|
| 1  | SPSU432084_02 |    | Chuyên đề TN 2        | 3     | LT      | 50%       | Nguyễn Văn Thành<br>(0932 096900 ) | Thứ Ba  | _____3456_ | 01LTT | 18/08/2025->11/10/2025 |
| 2  | SPSU432084_02 |    | Chuyên đề TN 2        | 3     | LT      | 50%       |                                    | Thứ Năm | _____3456_ | 01LTT | 18/08/2025->11/10/2025 |
| 3  | SPSU442579_02 |    | Chuyên đề 1 (TN-CNTT) | 4     | LT      | 50%       | Lê Quang Thái<br>(0939.792.871)    | Thứ Ba  | _____3456_ | 01LTT | 03/11/2025->20/12/2025 |
| 4  | SPSU442579_02 |    | Chuyên đề 1 (TN-CNTT) | 4     | LT      | 50%       |                                    | Thứ Năm | _____3456_ | 01LTT | 03/11/2025->20/12/2025 |
| 5  | SPSU442579_02 |    | Chuyên đề 1 (TN-CNTT) | 4     | LT      | 50%       |                                    | Thứ Bảy | _____3456_ | 01LTT | 03/11/2025->20/12/2025 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc



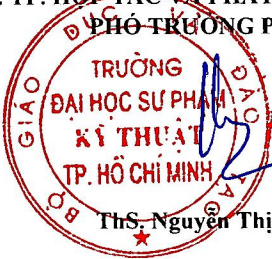
THỜI KHÓA BIỂU LỚP  
Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

Lớp: 24LC42LTT2 (Sĩ Số: 17) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo  
Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                               | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                             | Thứ                           | Tiết    | Phòng | Thời gian học          |
|----|---------------|----|--------------------------------------|-------|---------|-----------|--------------------------------------|-------------------------------|---------|-------|------------------------|
| 1  | ELDR346445_02 |    | Truyền động điện tự động             | 4     | LT      | 50%       | Luu Văn Quang<br>(0918.202.408)      | Thứ Ba                        | 3456_   | 09LTT | 18/08/2025->20/09/2025 |
| 2  | ELDR346445_02 |    | Truyền động điện tự động             | 4     | LT      | 50%       |                                      | Thứ Năm                       | 3456_   | 09LTT | 18/08/2025->20/09/2025 |
| 3  | ELDR346445_02 |    | Truyền động điện tự động             | 4     | LT      | 50%       |                                      | Thứ Bảy                       | 3456_   | 09LTT | 18/08/2025->20/09/2025 |
| 4  | IPSC343045_02 |    | Điều khiển hệ thống điện công nghiệp | 4     | LT      | 50%       | Phạm Quốc Khanh<br>(093 4093716)     | Thứ Hai                       | 3456_   | 09LTT | 18/08/2025->20/09/2025 |
| 5  | IPSC343045_02 |    | Điều khiển hệ thống điện công nghiệp | 4     | LT      | 50%       |                                      | Thứ Tư                        | 3456_   | 09LTT | 18/08/2025->20/09/2025 |
| 6  | IPSC343045_02 |    | Điều khiển hệ thống điện công nghiệp | 4     | LT      | 50%       |                                      | Thứ Sáu                       | 3456_   | 09LTT | 18/08/2025->20/09/2025 |
| 7  | MICR330363_02 |    | Kỹ thuật Vi Xử Lý                    | 3     | LT      | 50%       | Nguyễn Thanh Bình<br>(0989113935)    | Thứ Ba                        | 3456_   | 09LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 8  | MICR330363_02 |    | Kỹ thuật Vi Xử Lý                    | 3     | LT      | 50%       |                                      | Thứ Năm                       | 3456_   | 09LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 9  | MICR330363_02 |    | Kỹ thuật Vi Xử Lý                    | 3     | LT      | 50%       |                                      | Thứ Bảy                       | 3456_   | 09LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 10 | POEL330262_02 |    | Điện tử công suất                    | 3     | LT      | 50%       | Nguyễn Phương Quang<br>(0345335335)  | Thứ Hai                       | 3456_   | 09LTT | 10/11/2025->06/12/2025 |
| 11 | POEL330262_02 |    | Điện tử công suất                    | 3     | LT      | 50%       |                                      | Thứ Tư                        | 3456_   | 09LTT | 10/11/2025->06/12/2025 |
| 12 | POEL330262_02 |    | Điện tử công suất                    | 3     | LT      | 50%       |                                      | Thứ Sáu                       | 3456_   | 09LTT | 10/11/2025->06/12/2025 |
| 13 | POSY346645_02 |    | Hệ thống điện                        | 4     | LT      | 50%       | Phạm Quốc Khanh<br>(093 4093716)     | Thứ Hai                       | 3456_   | 09LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 14 | POSY346645_02 |    | Hệ thống điện                        | 4     | LT      | 50%       |                                      | Thứ Sáu                       | 3456_   | 09LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 15 | POSY346645_02 |    | Hệ thống điện                        | 4     | LT      | 50%       |                                      | Chủ Nhật                      | 12345_  | 09LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 16 | POSY346645_02 |    | Hệ thống điện                        | 4     | LT      | 50%       |                                      | Chủ Nhật                      | 78901_  | 09LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 17 | PRMS310844_01 |    | Thực tập đo lường và cảm biến        | 1     | TH      | 0%        | Nguyễn Thị Ngọc Thảo<br>(0909387648) | Chủ Nhật                      | 123456_ | D301  | 10/11/2025->06/12/2025 |
| 18 | PRMS310844_01 |    | Thực tập đo lường và cảm biến        | 1     | TH      | 0%        |                                      | Chủ Nhật                      | 789012_ | D301  | 10/11/2025->06/12/2025 |
| 19 | PRES316845_03 |    | Đồ án Cung cấp điện                  | 1     | DA      | 0%        | Trương Việt Anh<br>(0913.117.659)    | SV liên hệ GV hướng dẫn đồ án |         |       |                        |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc

**THỜI KHÓA BIỂU LỚP**

Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

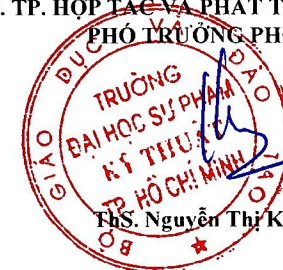
**Lớp: 24LC43LTT2 (Sĩ Số: 19) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo**

Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                                                | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                          | Thứ      | Tiết    | Phòng            | Thời gian học          |
|----|---------------|----|-------------------------------------------------------|-------|---------|-----------|-----------------------------------|----------|---------|------------------|------------------------|
| 1  | APME234625_02 |    | Toán ứng dụng cho kỹ sư cơ khí                        | 3     | LT      | 50%       | Luu Gia Thoai<br>(0944.113565)    | Thứ Ba   | 3456_   | 06LTT            | 18/08/2025->11/10/2025 |
| 2  | APME234625_02 |    | Toán ứng dụng cho kỹ sư cơ khí                        | 3     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Năm  | 3456_   | 06LTT            | 18/08/2025->11/10/2025 |
| 3  | CAEM335925_03 |    | Ứng dụng CAE trong kỹ thuật cơ khí                    | 3     | LT      | 50%       | Trần Thái Sơn<br>(0903.090.422)   | Thứ Hai  | 3456_   | 06LTT            | 18/08/2025->11/10/2025 |
| 4  | CAEM335925_03 |    | Ứng dụng CAE trong kỹ thuật cơ khí                    | 3     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Sáu  | 3456_   | 06LTT            | 18/08/2025->11/10/2025 |
| 5  | CFDY330624_02 |    | Cơ lưu chất ứng dụng                                  | 3     | LT      | 50%       | Nguyễn Trần Phú<br>(0986807479)   | Thứ Tư   | 3456_   | 06LTT            | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 6  | CFDY330624_02 |    | Cơ lưu chất ứng dụng                                  | 3     | LT      | 50%       |                                   | Chủ Nhật | 12345_  | 06LTT            | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 7  | CFDY330624_02 |    | Cơ lưu chất ứng dụng                                  | 3     | LT      | 50%       |                                   | Chủ Nhật | 78901_  | 06LTT            | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 8  | IMAS320525_02 |    | Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp                      | 2     | LT      | 50%       | Trần Thái Sơn<br>(0903.090.422)   | Thứ Bảy  | 3456_   | 06LTT            | 03/11/2025->27/12/2025 |
| 9  | MMAT334325_02 |    | Công nghệ chế tạo máy                                 | 3     | LT      | 50%       | Huỳnh Chí Hy<br>(0918.255.650)    | Thứ Hai  | 3456_   | 06LTT            | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 10 | MMAT334325_02 |    | Công nghệ chế tạo máy                                 | 3     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Tư   | 3456_   | 06LTT            | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 11 | MMAT334325_02 |    | Công nghệ chế tạo máy                                 | 3     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Sáu  | 3456_   | 06LTT            | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 12 | MTNC330925_02 |    | Máy và hệ thống điều khiển số                         | 3     | LT      | 50%       | Trần Quốc Hùng<br>(0903.379.540)  | Thứ Ba   | 3456_   | 06LTT            | 03/11/2025->13/12/2025 |
| 13 | MTNC330925_02 |    | Máy và hệ thống điều khiển số                         | 3     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Năm  | 3456_   | 06LTT            | 03/11/2025->13/12/2025 |
| 14 | PELD315125_03 |    | Thực tập trang bị điện - điện tử trên máy công nghiệp | 1     | TH      | 0%        | Đặng Quang Khoa<br>(0907.177.167) | Chủ Nhật | 123456_ | 02TNTBD-DT_CNCTM | 08/12/2025->03/01/2026 |
| 15 | PELD315125_03 |    | Thực tập trang bị điện - điện tử trên máy công nghiệp | 1     | TH      | 0%        |                                   | Chủ Nhật | 789012_ | 02TNTBD-DT_CNCTM | 08/12/2025->03/01/2026 |
| 16 | MATH132601_05 |    | Toán 3                                                | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương              |          |         |                  | 01/09/2025->20/09/2025 |
| 17 | MATH132901_05 |    | Xác suất thống kê ứng dụng                            | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương              |          |         |                  | 22/09/2025->11/10/2025 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc

THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

Lớp: 24LC45LTT2 (Số: 25) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo

Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                                          | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                        | Thứ      | Tiết     | Phòng | Thời gian học          |
|----|---------------|----|-------------------------------------------------|-------|---------|-----------|---------------------------------|----------|----------|-------|------------------------|
| 1  | AEVE320830_02 |    | Năng lượng mới trên ô tô                        | 2     | LT      | 50%       | Trần Xuân Dung (0982 916019)    | Thứ Ba   | 3456_    | 08LTT | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 2  | AEVE320830_02 |    | Năng lượng mới trên ô tô                        | 2     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Năm  | 3456_    | 08LTT | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 3  | ICEC320430_02 |    | Tính toán động cơ đốt trong                     | 2     | LT      | 50%       | Nguyễn Tấn Ngọc (0909140406)    | Thứ Hai  | 3456_    | 08LTT | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 4  | ICEC320430_02 |    | Tính toán động cơ đốt trong                     | 2     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Tư   | 3456_    | 08LTT | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 5  | IMAS320525_02 |    | Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp                | 2     | LT      | 50%       | Trần Thái Sơn (0903.090.422)    | Thứ Bảy  | 3456_    | 06LTT | 03/11/2025->27/12/2025 |
| 6  | MATH133201_02 |    | Toán cao cấp dành cho kỹ sư 2                   | 3     | LT      | 50%       | Phạm Văn Hiến (0908248238)      | Thứ Hai  | 3456_    | 08LTT | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 7  | MATH133201_02 |    | Toán cao cấp dành cho kỹ sư 2                   | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Tư   | 3456_    | 08LTT | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 8  | MATH133201_02 |    | Toán cao cấp dành cho kỹ sư 2                   | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Sáu  | 3456_    | 08LTT | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 9  | PACS331231_02 |    | TT Hệ thống điều khiển và chuyển động trên ô tô | 3     | TH      | HS 0      | Văn Anh Dương (0932249359)      | Chủ Nhật | 123456_  | 03GA6 | 18/08/2025->01/11/2025 |
| 10 | PACS331231_02 |    | TT Hệ thống điều khiển và chuyển động trên ô tô | 3     | TH      | HS 0      |                                 | Chủ Nhật | 7890123_ | 03GA6 | 18/08/2025->01/11/2025 |
| 11 | PEMS331130_02 |    | TT Hệ thống điều khiển động cơ                  | 3     | TH      | HS 0      | Nguyễn Tấn Ngọc (0909140406)    | Chủ Nhật | 123456_  | 03XA2 | 03/11/2025->17/01/2026 |
| 12 | PEMS331130_02 |    | TT Hệ thống điều khiển động cơ                  | 3     | TH      | HS 0      |                                 | Chủ Nhật | 7890123_ | 03XA2 | 03/11/2025->17/01/2026 |
| 13 | THEV330131_02 |    | Lý thuyết ô tô                                  | 3     | LT      | 50%       | Trần Đình Quý (0918.069.082)    | Thứ Hai  | 3456_    | 08LTT | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 14 | THEV330131_02 |    | Lý thuyết ô tô                                  | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Tư   | 3456_    | 08LTT | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 15 | THEV330131_02 |    | Lý thuyết ô tô                                  | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Sáu  | 3456_    | 08LTT | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 16 | VACS330333_02 |    | Hệ thống điều khiển tự động ô tô                | 3     | LT      | 50%       | Nguyễn Thành Tuyên (0392409518) | Thứ Ba   | 3456_    | 08LTT | 03/11/2025->13/12/2025 |
| 17 | VACS330333_02 |    | Hệ thống điều khiển tự động ô tô                | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Năm  | 3456_    | 08LTT | 03/11/2025->13/12/2025 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc



## THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

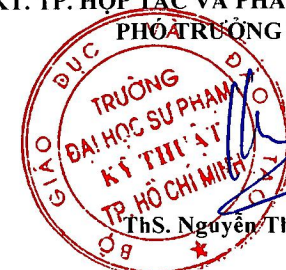
Lớp: 24LC46LTT2 (Sĩ Số: 9) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo

Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                                 | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                          | Thứ                           | Tiết  | Phòng | Thời gian học          |
|----|---------------|----|----------------------------------------|-------|---------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------|-------|-------|------------------------|
| 1  | AFME324020_01 |    | Cơ học lưu chất ứng dụng               | 2     | LT      | 50%       | Âu Thị Kim Loan<br>(0375885928)   | Thứ Hai                       | 3456_ | 07LTT | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 2  | AFME324020_01 |    | Cơ học lưu chất ứng dụng               | 2     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Sáu                       | 3456_ | 07LTT | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 3  | AUCO230329_01 |    | Điều khiển tự động                     | 3     | LT      | 50%       | Nguyễn Vũ Lân<br>(0913 522142)    | Thứ Ba                        | 3456_ | 07LTT | 03/11/2025->13/12/2025 |
| 4  | AUCO230329_01 |    | Điều khiển tự động                     | 3     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Năm                       | 3456_ | 07LTT | 03/11/2025->13/12/2025 |
| 5  | DEAE324029_01 |    | Qui hoạch và xử lý số liệu thực nghiệm | 2     | LT      | 50%       | Vũ Quang Huy<br>(0918748924)      | Thứ Tư                        | 3456_ | 07LTT | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 6  | DEAE324029_01 |    | Qui hoạch và xử lý số liệu thực nghiệm | 2     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Bảy                       | 3456_ | 07LTT | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 7  | FTHE124425_01 |    | Cơ sở nhiệt kỹ thuật                   | 2     | LT      | 50%       | Nguyễn Trọng Hiếu<br>(0989620635) | Thứ Hai                       | 3456_ | 07LTT | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 8  | FTHE124425_01 |    | Cơ sở nhiệt kỹ thuật                   | 2     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Sáu                       | 3456_ | 07LTT | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 9  | IRBO321429_01 |    | Kỹ thuật robot cơ bản                  | 2     | LT      | 50%       | Trần Minh Thiên<br>(0977923428)   | Thứ Ba                        | 3456_ | 07LTT | 18/08/2025->27/09/2025 |
| 10 | IRBO321429_01 |    | Kỹ thuật robot cơ bản                  | 2     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Năm                       | 3456_ | 07LTT | 18/08/2025->27/09/2025 |
| 11 | MICO231329_01 |    | Vi xử lý và vi điều khiển              | 3     | LT      | 50%       | Huỳnh Quang Duy<br>(0376095919)   | Thứ Hai                       | 3456_ | 07LTT | 03/11/2025->27/12/2025 |
| 12 | MICO231329_01 |    | Vi xử lý và vi điều khiển              | 3     | LT      | 50%       |                                   | Thứ Tư                        | 3456_ | 07LTT | 03/11/2025->27/12/2025 |
| 13 | MATH132901_05 |    | Xác suất thống kê ứng dụng             | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương              |                               |       |       | 22/09/2025->11/10/2025 |
| 14 | MDPR310423_01 |    | Đồ án thiết kế máy                     | 1     | DA      | 0%        | Nguyễn Minh Kỳ<br>(0903.338.292)  | SV liên hệ GV hướng dẫn đồ án |       |       |                        |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc



THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

Lớp: 24LC10LTT2 (Sĩ Số: 26) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo

Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                            | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                        | Thứ      | Tiết   | Phòng | Thời gian học          |
|----|---------------|----|-----------------------------------|-------|---------|-----------|---------------------------------|----------|--------|-------|------------------------|
| 1  | INOT231780_02 |    | Vận Vật Kết Nối                   | 3     | LT      | 50%       | Phan Gia Phước<br>(0974 660075) | Thứ Ba   | 3456_  | 02LTT | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 2  | INOT231780_02 |    | Vận Vật Kết Nối                   | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Năm  | 3456_  | 02LTT | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 3  | INOT231780_02 |    | Vận Vật Kết Nối                   | 3     | LT      | 50%       |                                 | Chủ Nhật | 12345_ | 02LTT | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 4  | INOT231780_02 |    | Vận Vật Kết Nối                   | 3     | LT      | 50%       |                                 | Chủ Nhật | 78901_ | 02LTT | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 5  | MALE431984_03 |    | Học máy                           | 3     | LT      | 50%       | Lê Minh Tân<br>(0932751620)     | Thứ Hai  | 3456_  | 02LTT | 08/12/2025->03/01/2026 |
| 6  | MALE431984_03 |    | Học máy                           | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Tư   | 3456_  | 02LTT | 08/12/2025->03/01/2026 |
| 7  | MALE431984_03 |    | Học máy                           | 3     | LT      | 50%       |                                 | Chủ Nhật | 12345_ | 02LTT | 08/12/2025->03/01/2026 |
| 8  | MALE431984_03 |    | Học máy                           | 3     | LT      | 50%       |                                 | Chủ Nhật | 78901_ | 02LTT | 08/12/2025->03/01/2026 |
| 9  | MOPR331279_03 |    | Lập trình di động                 | 3     | LT      | 50%       | Lê Quang Thái<br>(0939.792.871) | Thứ Hai  | 3456_  | 02LTT | 03/11/2025->06/12/2025 |
| 10 | MOPR331279_03 |    | Lập trình di động                 | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Tư   | 3456_  | 02LTT | 03/11/2025->06/12/2025 |
| 11 | MOPR331279_03 |    | Lập trình di động                 | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Sáu  | 3456_  | 02LTT | 03/11/2025->06/12/2025 |
| 12 | OOSD330879_02 |    | Thiết kế phần mềm hướng đối tượng | 3     | LT      | 50%       | Lê Quang Thái<br>(0939.792.871) | Thứ Ba   | 3456_  | 02LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 13 | OOSD330879_02 |    | Thiết kế phần mềm hướng đối tượng | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Năm  | 3456_  | 02LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 14 | OOSD330879_02 |    | Thiết kế phần mềm hướng đối tượng | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Sáu  | 3456_  | 02LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 15 | OOSD330879_02 |    | Thiết kế phần mềm hướng đối tượng | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Bảy  | 3456_  | 02LTT | 22/09/2025->18/10/2025 |
| 16 | WESE331479_03 |    | Bảo mật web                       | 3     | LT      | 50%       | Lê Quang Thái<br>(0939.792.871) | Thứ Ba   | 3456_  | 02LTT | 18/08/2025->20/09/2025 |
| 17 | WESE331479_03 |    | Bảo mật web                       | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Năm  | 3456_  | 02LTT | 18/08/2025->20/09/2025 |
| 18 | WESE331479_03 |    | Bảo mật web                       | 3     | LT      | 50%       |                                 | Thứ Bảy  | 3456_  | 02LTT | 18/08/2025->20/09/2025 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc

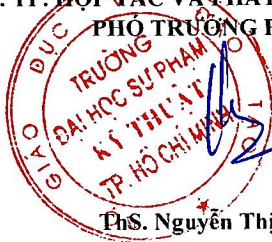
THỜI KHÓA BIỂU LỚP  
Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

Lớp: 25LC42LTT2 (Sĩ Số: 18) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo  
Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                               | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                               | Thứ      | Tiết            | Phòng  | Thời gian học          |
|----|---------------|----|--------------------------------------|-------|---------|-----------|----------------------------------------|----------|-----------------|--------|------------------------|
| 1  | CHES112330_03 |    | Cờ vua                               | 1     | LT      | 50%       | Nguyễn Hương Liên<br>(0989 233497)     | Thứ Hai  | _____3456_      | ONLINE | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 2  | CHES112330_03 |    | Cờ vua                               | 1     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Tư   | _____3456_      | ONLINE | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 3  | GCHE130603_05 |    | Hoá đại cương                        | 3     | LT      | 50%       | Đặng Đình Khôi<br>(088 650 3538)       | Thứ Hai  | _____3456_      | 10LTT  | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 4  | GCHE130603_05 |    | Hoá đại cương                        | 3     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Tư   | _____3456_      | 10LTT  | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 5  | GCHE130603_05 |    | Hoá đại cương                        | 3     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Sáu  | _____3456_      | 10LTT  | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 6  | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       | Nguyễn Thị Hạnh<br>(0353420403)        | Thứ Ba   | _____3456_      | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 7  | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Năm  | _____3456_      | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 8  | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Bảy  | _____3456_      | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 9  | GDQP110631_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Thực hành-LTCD) | 1     | TH      | 0%        | Nguyễn Huỳnh Ngọc Linh<br>(0867749143) | Chủ Nhật | 12345_____      | QPNT15 | 15/09/2025->18/10/2025 |
| 10 | GDQP110631_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Thực hành-LTCD) | 1     | TH      | 0%        |                                        | Chủ Nhật | _____78901_____ | QPNT15 | 15/09/2025->18/10/2025 |
| 11 | LLCT120205_07 |    | Kinh tế chính trị Mác - Lênin        | 2     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |                 |        | 03/11/2025->22/11/2025 |
| 12 | LLCT130105_06 |    | Triết học Mác - Lênin                | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |                 |        | 18/08/2025->06/09/2025 |
| 13 | MATH132401_06 |    | Toán 1                               | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |                 |        | 08/09/2025->27/09/2025 |
| 14 | MATH132501_07 |    | Toán 2                               | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |                 |        | 24/11/2025->13/12/2025 |
| 15 | PHYS130902_06 |    | Vật lý 1                             | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |                 |        | 15/12/2025->03/01/2026 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc

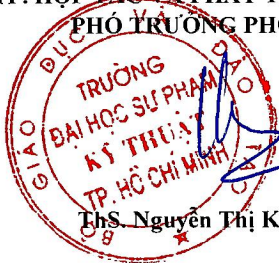
THỜI KHÓA BIỂU LỚP  
Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

Lớp: 25LC43LTT2 (Sĩ Số: 14) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo  
Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                               | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                            | Thứ      | Tiết  | Phòng  | Thời gian học          |
|----|---------------|----|--------------------------------------|-------|---------|-----------|-------------------------------------|----------|-------|--------|------------------------|
| 1  | AMDR221223_02 |    | Vẽ kỹ thuật cơ khí nâng cao          | 2     | LT      | 50%       | Hồ Ngọc Bốn (0903761044)            | Thứ Hai  | 3456  | 03LTT  | 01/12/2025->27/12/2025 |
| 2  | AMDR221223_02 |    | Vẽ kỹ thuật cơ khí nâng cao          | 2     | LT      | 50%       |                                     | Thứ Tư   | 3456  | 03LTT  | 01/12/2025->27/12/2025 |
| 3  | CHES112330_03 |    | Cờ vua                               | 1     | LT      | 50%       | Nguyễn Hương Liên (0989 233497)     | Thứ Hai  | 3456  | ONLINE | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 4  | CHES112330_03 |    | Cờ vua                               | 1     | LT      | 50%       |                                     | Thứ Tư   | 3456  | ONLINE | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 5  | ENMA220230_02 |    | Vật liệu học                         | 2     | LT      | 50%       | Nguyễn Nhật Phi Long (0918.347.596) | Thứ Hai  | 3456  | 03LTT  | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 6  | ENMA220230_02 |    | Vật liệu học                         | 2     | LT      | 50%       |                                     | Thứ Tư   | 3456  | 03LTT  | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 7  | FTHE124425_01 |    | Cơ sở nhiệt kỹ thuật                 | 2     | LT      | 50%       | Nguyễn Trọng Hiếu (0989620635)      | Thứ Hai  | 3456  | 07LTT  | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 8  | FTHE124425_01 |    | Cơ sở nhiệt kỹ thuật                 | 2     | LT      | 50%       |                                     | Thứ Sáu  | 3456  | 07LTT  | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 9  | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       | Nguyễn Thị Hạnh (0353420403)        | Thứ Ba   | 3456  | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 10 | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       |                                     | Thứ Năm  | 3456  | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 11 | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       |                                     | Thứ Bảy  | 3456  | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 12 | GDQP110631_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Thực hành-LTCD) | 1     | TH      | 0%        | Nguyễn Huỳnh Ngọc Linh (0867749143) | Chủ Nhật | 12345 | QPNT15 | 15/09/2025->18/10/2025 |
| 13 | GDQP110631_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Thực hành-LTCD) | 1     | TH      | 0%        |                                     | Chủ Nhật | 78901 | QPNT15 | 15/09/2025->18/10/2025 |
| 14 | LLCT120205_07 |    | Kinh tế chính trị Mác - Lênin        | 2     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                |          |       |        | 03/11/2025->22/11/2025 |
| 15 | LLCT130105_06 |    | Triết học Mác - Lênin                | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                |          |       |        | 18/08/2025->06/09/2025 |
| 16 | MATH132401_06 |    | Toán 1                               | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                |          |       |        | 08/09/2025->27/09/2025 |
| 17 | MATH132501_07 |    | Toán 2                               | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                |          |       |        | 24/11/2025->13/12/2025 |
| 18 | PHYS130902_06 |    | Vật lý 1                             | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                |          |       |        | 15/12/2025->03/01/2026 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc



THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

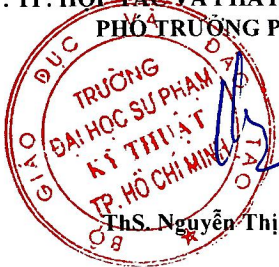
Lớp: 25LC45LTT2 (Sĩ Số: 24) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo

Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                               | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                               | Thứ      | Tiết   | Phòng  | Thời gian học          |
|----|---------------|----|--------------------------------------|-------|---------|-----------|----------------------------------------|----------|--------|--------|------------------------|
| 1  | CHES112330_03 |    | Cờ vua                               | 1     | LT      | 50%       | Nguyễn Hương Liên<br>(0989 233497)     | Thứ Hai  | 3456_  | ONLINE | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 2  | CHES112330_03 |    | Cờ vua                               | 1     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Tư   | 3456_  | ONLINE | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 3  | EEEN234062_02 |    | Kỹ thuật điện - điện tử              | 3     | LT      | 50%       | Nguyễn Phương Quang<br>(0345335335)    | Thứ Hai  | 3456_  | 01LTT  | 08/12/2025->03/01/2026 |
| 4  | EEEN234062_02 |    | Kỹ thuật điện - điện tử              | 3     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Tư   | 3456_  | 01LTT  | 08/12/2025->03/01/2026 |
| 5  | EEEN234062_02 |    | Kỹ thuật điện - điện tử              | 3     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Sáu  | 3456_  | 01LTT  | 08/12/2025->03/01/2026 |
| 6  | GCHE130603_05 |    | Hoá đại cương                        | 3     | LT      | 50%       | Đặng Đình Khôi<br>(088 650 3538)       | Thứ Hai  | 3456_  | 10LTT  | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 7  | GCHE130603_05 |    | Hoá đại cương                        | 3     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Tư   | 3456_  | 10LTT  | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 8  | GCHE130603_05 |    | Hoá đại cương                        | 3     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Sáu  | 3456_  | 10LTT  | 03/11/2025->29/11/2025 |
| 9  | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       | Nguyễn Thị Hạnh<br>(0353420403)        | Thứ Ba   | 3456_  | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 10 | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Năm  | 3456_  | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 11 | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Bảy  | 3456_  | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 12 | GDQP110631_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Thực hành-LTCD) | 1     | TH      | 0%        | Nguyễn Huỳnh Ngọc Linh<br>(0867749143) | Chủ Nhật | 12345_ | QPNT15 | 15/09/2025->18/10/2025 |
| 13 | GDQP110631_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Thực hành-LTCD) | 1     | TH      | 0%        |                                        | Chủ Nhật | 78901_ | QPNT15 | 15/09/2025->18/10/2025 |
| 14 | LLCT120205_07 |    | Kinh tế chính trị Mác - Lênin        | 2     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |        |        | 03/11/2025->22/11/2025 |
| 15 | LLCT130105_06 |    | Triết học Mác - Lênin                | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |        |        | 18/08/2025->06/09/2025 |
| 16 | MATH132401_06 |    | Toán 1                               | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |        |        | 08/09/2025->27/09/2025 |
| 17 | MATH132501_07 |    | Toán 2                               | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |        |        | 24/11/2025->13/12/2025 |
| 18 | PHYS130902_06 |    | Vật lý 1                             | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |        |        | 15/12/2025->03/01/2026 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÒNG



ThS. Nguyễn Thị Kim Cúc



THỜI KHÓA BIỂU LỚP

Học kỳ: 01 - Năm học: 2025-2026

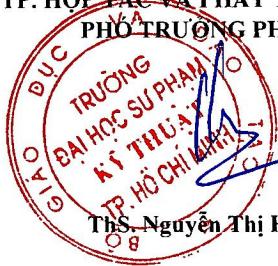
Lớp: 25LC10LTT2 (Sĩ Số: 19) - Khoa: Phòng Hợp tác và Phát triển Đào tạo

Tuần bắt đầu học học kỳ 1 (18/08/2025)

| TT | Mã LHP        | NL | Tên HP                               | Số TC | Loại HP | % Điểm QT | Tên CBGD                               | Thứ      | Tiết   | Phòng  | Thời gian học          |
|----|---------------|----|--------------------------------------|-------|---------|-----------|----------------------------------------|----------|--------|--------|------------------------|
| 1  | CHES112330_03 |    | Cờ vua                               | 1     | LT      | 50%       | Nguyễn Hương Liên<br>(0989 233497)     | Thứ Hai  | 3456_  | ONLINE | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 2  | CHES112330_03 |    | Cờ vua                               | 1     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Tư   | 3456_  | ONLINE | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 3  | EEEN234162_02 |    | Điện tử căn bản (CTT)                | 3     | LT      | 50%       | Nguyễn Phương Quang<br>(0345335335)    | Thứ Hai  | 3456_  | 10LTT  | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 4  | EEEN234162_02 |    | Điện tử căn bản (CTT)                | 3     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Tư   | 3456_  | 10LTT  | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 5  | EEEN234162_02 |    | Điện tử căn bản (CTT)                | 3     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Sáu  | 3456_  | 10LTT  | 15/09/2025->11/10/2025 |
| 6  | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       | Nguyễn Thị Hạnh<br>(0353420403)        | Thứ Ba   | 3456_  | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 7  | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Năm  | 3456_  | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 8  | GDQP110531_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết-LTCD) | 1     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Bảy  | 3456_  | 10LTT  | 18/08/2025->13/09/2025 |
| 9  | GDQP110631_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Thực hành-LTCD) | 1     | TH      | 0%        | Nguyễn Huỳnh Ngọc Linh<br>(0867749143) | Chủ Nhật | 12345_ | QPNT15 | 15/09/2025->18/10/2025 |
| 10 | GDQP110631_08 |    | Giáo dục quốc phòng (Thực hành-LTCD) | 1     | TH      | 0%        |                                        | Chủ Nhật | 78901_ | QPNT15 | 15/09/2025->18/10/2025 |
| 11 | MATH143001_02 |    | Đại số tuyến tính và cấu trúc đại số | 4     | LT      | 50%       | Phạm Văn Hiền<br>(0908248238)          | Thứ Hai  | 3456_  | 10LTT  | 01/12/2025->03/01/2026 |
| 12 | MATH143001_02 |    | Đại số tuyến tính và cấu trúc đại số | 4     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Tư   | 3456_  | 10LTT  | 01/12/2025->03/01/2026 |
| 13 | MATH143001_02 |    | Đại số tuyến tính và cấu trúc đại số | 4     | LT      | 50%       |                                        | Thứ Sáu  | 3456_  | 10LTT  | 01/12/2025->03/01/2026 |
| 14 | OOPR230279_02 |    | Lập trình hướng đối tượng            | 3     | LT      | 50%       | Lê Quang Thái<br>(0939.792.871)        | Chủ Nhật | 12345_ | 10LTT  | 03/11/2025->13/12/2025 |
| 15 | OOPR230279_02 |    | Lập trình hướng đối tượng            | 3     | LT      | 50%       |                                        | Chủ Nhật | 78901_ | 10LTT  | 03/11/2025->13/12/2025 |
| 16 | LLCT120205_07 |    | Kinh tế chính trị Mác - Lênin        | 2     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |        |        | 03/11/2025->22/11/2025 |
| 17 | LLCT130105_06 |    | Triết học Mác - Lênin                | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |        |        | 18/08/2025->06/09/2025 |
| 18 | MATH132401_06 |    | Toán 1                               | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |        |        | 08/09/2025->27/09/2025 |
| 19 | MATH132501_07 |    | Toán 2                               | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |        |        | 24/11/2025->13/12/2025 |
| 20 | PHYS130902_06 |    | Vật lý 1                             | 3     | LT      | 50%       | Giáo viên địa phương                   |          |        |        | 15/12/2025->03/01/2026 |

Ngày 04 tháng 8 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO  
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG



Ths. Nguyễn Thị Kim Cúc